

Cải cách thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam và định hướng trong tương lai

Đặng Văn Dân

Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Là một trong những sắc thuế trọng yếu trong hệ thống thuế của bất kỳ quốc gia nào, thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam thời gian qua luôn tỏ rõ được vai trò quan trọng của mình. Bài viết trước hết sẽ điểm lại các vai trò này, sau đó đi vào trình bày quá trình cải cách thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam trong thời gian qua để tạo đà cho việc nhận định những điểm đổi mới theo hướng đi chung của thế giới và sau cùng là có cơ sở để đưa ra những định hướng về thuế thu nhập doanh nghiệp trong tương lai.

Từ khoá: Cải cách, định hướng, thuế, thu nhập doanh nghiệp, Việt Nam

Thuế là một nguồn thu rất quan trọng với tỷ trọng đóng góp rất lớn vào tổng nguồn thu ngân sách quốc gia và đồng thời cũng là một công cụ hiệu quả trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Trong cơ cấu thuế, chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) luôn chiếm giữ một vị trí trọng yếu, có ý nghĩa lớn và rất được quan tâm, đặc biệt xét trong bối cảnh công tác cải cách thuế TNDN tại Việt Nam đang tích cực được triển khai, hoà cùng với xu hướng chung trong cải cách chính sách thuế TNDN ở các nước hiện nay về các mặt: xây dựng lộ trình giảm thuế suất; áp dụng chính sách ưu đãi thuế cho đối tượng cần được đầu tư phát triển; giảm các khoản chi phí được trừ; mở rộng cơ sở tính thuế; tăng cường công tác quản lý thuế nhằm hoá giải các hành vi làm thất thoát nguồn thu.

1. Vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN là loại thuế trực thu, đánh vào đối tượng là thu nhập của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở doanh thu trừ đi các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ có liên quan đến việc hình thành doanh thu đó. Từ đó có thể thấy mức đóng góp thuế TNDN vào ngân sách Nhà nước sẽ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nộp thuế. Bản thân thuế TNDN được xây dựng luôn hướng đến các ý nghĩa:

Thứ nhất, thuế TNDN là một khoản thu có vị trí rất quan trọng của ngân sách Nhà nước. Theo quy luật chung, khi trình độ kinh tế ngày càng phát triển thì thuế TNDN sẽ càng chiếm vị trí quan trọng hơn trong tổng nguồn thu ngân sách quốc gia. Những quy định về thuế suất ưu đãi, miễn giảm thuế giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần tăng được số thuế trên cơ sở đối tượng nộp thuế ngày càng được mở rộng hơn về cả quy mô lẫn số lượng.

Thứ hai, thuế TNDN là công cụ hữu hiệu của Nhà

nước trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Nhà nước ban hành một hệ thống pháp luật về thuế TNDN áp dụng chung cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, tạo sự bình đẳng trong cạnh tranh, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Nhà nước thể hiện sự ưu đãi của mình đối với một số đối tượng trong xã hội không phải nộp thuế (được miễn thuế) hoặc thể hiện sự khuyến khích của Nhà nước đối với việc phát triển của một lĩnh vực hay một vùng, một khu vực nào đó. Ngoài việc quy định thuế suất chung cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, Nhà nước cũng đưa ra thuế suất ưu đãi để áp dụng đối với các ngành nghề, mặt hàng trong nền kinh tế để khuyến khích các ngành nghề, mặt hàng này theo định hướng của Nhà nước.

Thuế TNDN còn được sử dụng như là một biện pháp kích thích các hoạt động đầu tư bỏ vốn vào nội địa đến từ nguồn lực của các doanh nghiệp nước ngoài, hay hỗ trợ các doanh nghiệp khắc phục và vượt qua khó khăn để ổn định sản xuất trong từng thời kỳ với các chính sách thuế có mức độ điều tiết khác nhau.

Thứ ba, thuế TNDN còn là cơ sở để Nhà nước phân phối lại thu nhập, thực hiện chính sách công bằng xã hội. Điều này đặc biệt cần thiết trong nền kinh tế thị trường luôn đề cao tính cạnh tranh, trong đó yếu tố phân hoá giàu nghèo là điều không tránh khỏi. Trong chính bối cảnh đó, thuế TNDN ra đời giúp rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa các thành viên trong xã hội.

Thứ tư, thuế TNDN thường được xây dựng tương đối ổn định nhằm mang lại môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Bản thân thuế TNDN sẽ điều tiết vào thu nhập của doanh nghiệp mà nguồn thu nhập này có bản chất là nguồn vốn tái đầu tư mở rộng sản xuất, nên thuế TNDN thường phải được ổn

định qua thời gian, đặc biệt là về thuế suất. Tính chất ổn định tương đối này giúp các doanh nghiệp chủ động trong việc lên kế hoạch đầu tư, đề ra phương án sản xuất kinh doanh một cách bền vững. Từ đó góp phần gia tăng quy mô và năng lực sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách hiệu quả và bền vững.

2. Quá trình cải cách thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam

Thuế TNDN bắt đầu được triển khai tại Việt Nam từ năm 1951 với hình thức sơ khai là thuế tính trên lợi tức kinh doanh, với việc áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần phân biệt cho từng ngành nghề với thuế suất dao động từ 5% đến 7%. Sau đó 5 năm, Luật thuế lợi tức doanh nghiệp được ban hành áp dụng cho tất cả các cơ sở kinh doanh, với căn cứ tính thuế là số chênh lệch giữa doanh thu với giá thành sản xuất và vẫn áp dụng biểu thuế suất lũy tiến từng phần nhưng với phạm vi có điều chỉnh là từ 8% đến 50%.

Trong giai đoạn từ năm 1965 đến năm 1990, việc áp dụng thuế lợi tức được tách bạch riêng cho khu vực kinh tế quốc doanh và kinh tế ngoài quốc doanh. Theo đó, chế độ thu quốc doanh được áp dụng cho khu vực kinh tế quốc doanh, còn khu vực kinh tế ngoài quốc doanh thì nộp thuế lợi tức doanh nghiệp.

Bước sang giai đoạn cải cách thuế bước 1, các chính sách thuế được Quốc hội xem xét và phê chuẩn thông qua, đồng thời kết hợp với nhiều lần sửa đổi bổ sung để việc thu thuế hiệu quả hơn. Từ 01/01/1990 đến trước ngày 01/01/1999, thuế lợi tức được áp dụng thống nhất cho mọi thành phần kinh tế, không phân biệt doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế trong hay ngoài quốc doanh. Cơ sở tính thuế lợi tức là lợi tức của doanh nghiệp và thuế suất, với mức thuế suất phổ thông gồm có 30%, 40% và 50%; sau đó từ năm 1993 các mức thuế suất được điều chỉnh giảm tương ứng xuống còn 25%, 35% và 45%. Cũng trong giai đoạn này, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài áp dụng thuế lợi tức theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam với mức thuế suất được chủ động xây dựng thấp hơn so với các doanh nghiệp trong nước, tỏ rõ động thái muốn hút vốn đầu tư từ nước ngoài của Nhà nước.

Vào kỳ họp thứ 11 của Quốc hội khóa IX diễn ra vào ngày 10/05/1997, Luật thuế TNDN đã chính thức được thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ 01/01/1999 để thay thế cho Luật thuế lợi tức. Trong giai đoạn từ khi Luật thuế TNDN mới ban hành có hiệu lực đến ngày 01/01/2004, thuế TNDN được triển khai áp dụng thống nhất trên cả nước, với mức thuế suất phổ thông cho các doanh nghiệp trong nước là 32% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 25%. Trải qua 5 năm triển khai thực hiện, Quốc hội khóa XI tại kỳ họp thứ 3 đã thông qua Luật thuế TNDN thay thế cho văn bản ban hành trước đó. Luật thay thế này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2004 với mức thuế suất được điều chỉnh giảm từ 32% xuống còn 28%, áp dụng

như nhau cho tất cả các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam.

Nhìn chung, Luật thuế TNDN năm 2003 đã phần nào đạt được mục tiêu mà Nhà nước đề ra, đánh dấu cột mốc quan trọng trong cải thiện môi trường đầu tư, góp phần bảo đảm nguồn thu ngân sách và thúc đẩy lĩnh vực thuế phát triển hơn. Tuy vậy Luật thuế TNDN bấy giờ vẫn còn bộc lộ những nhược điểm nhất định, nên sau đó khi đã trải qua hơn 4 năm thực hiện, Luật thuế TNDN năm 2008 được ban hành ngày 03/06/2008 để thay thế cho Luật thuế TNDN năm 2003, có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2009. Giai đoạn từ năm 2009 đến 2014, mặc dù bối cảnh kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, thuế suất thuế TNDN được thiết kế giảm theo Luật mới từ 28% xuống 25% nhưng số thu ngân sách về thuế TNDN vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn thu. Kể từ đầu năm 2014, Luật thuế TNDN sửa đổi đưa ra quy định chuyển mức thuế suất về còn 22% và sau đó là 20% bắt đầu từ 2016. Có thể nói từ đây thuế TNDN tại Việt Nam đã ngày càng được hoàn thiện, chứng tỏ được sự phù hợp hơn với thực tế và thông lệ quốc tế.

Hiện tại thuế TNDN được quy định thực hiện chi tiết trong tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật:

- Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ban hành ngày 03/06/2008.

- Luật thuế TNDN số 32/2013/QH13 ban hành ngày 19/06/2013, sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN 2008.

- Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ban hành ngày 26/12/2013, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (sau đó Nghị định này được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015; tất cả các Nghị định được hợp nhất bởi Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-BTC ban hành ngày 26/05/2015).

- Thông tư số 78/2014/TT-BTC ban hành ngày 18/06/2014, hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (sau đó Thông tư này được sửa đổi, bổ sung bởi: Thông tư 119/2014/TT-BTC ban hành ngày 25/08/2014; Thông tư 151/2014/TT-BTC ban hành ngày 10/10/2014; Thông tư 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22/06/2015; tất cả các Thông tư được hợp nhất bởi Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-BTC ban hành ngày 14/09/2015).

3. Một số điểm mới theo hướng đi chung

Quy định về thuế TNDN hiện hành bên cạnh việc áp dụng mức thuế suất giảm xuống còn 20% sang năm 2016 - mức thuế này của Việt Nam hiện nay khá thấp so với các nước trong khu vực như Philippines là 30% hay Malaysia là 25% - thì cũng đã đưa ra được

nhiều điểm mới được xem là tiến bộ, thuận lợi hơn cho cộng đồng doanh nghiệp và hoà cùng xu hướng cải cách thuế TNDN trên thế giới.

Liên quan đến chính sách ưu đãi thuế cho đối tượng cần được hỗ trợ phát triển thì Thông tư 96 năm 2015 cũng đã đưa ra nhiều thay đổi. Theo đó với lĩnh vực đầu tư mở rộng, đã có quy định rất rõ việc chuyển tiếp ưu đãi cho dự án đầu tư mở rộng trong giai đoạn từ năm 2009-2013 với việc trong giai đoạn này quy định pháp luật về thuế TNDN là không cho hưởng ưu đãi đối với dự án đầu tư mở rộng. Theo quy định cải cách mới, từ năm 2014 trở đi, Luật thuế TNDN đã sửa đổi bổ sung quy định dự án đầu tư mở rộng sẽ được hưởng ưu đãi. Cũng chính từ đây, với các dự án đầu tư mở rộng được triển khai trong giai đoạn 2009-2013 mà sang năm 2014 đáp ứng đủ các điều kiện được ưu đãi theo quy định mới thì sẽ được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại bắt đầu từ năm 2014. Đây được xem là một quy định rất tiến bộ và có hướng mở để tạo điều kiện cho các dự án đầu tư mở rộng trong giai đoạn trước đây được hưởng ưu đãi mới này.

Với các doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư đã được cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trước ngày 01/01/2014 nhưng đang trong quá trình đầu tư, chưa đi vào hoạt động, chưa phát sinh doanh thu thì theo quy định mới cũng sẽ được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo dự án đầu tư mới theo quy định tại Luật số 32/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bên cạnh đó thì các quy định dành cho đối tượng được hưởng thuế suất ưu đãi cũng đã được bổ sung, sửa đổi chi tiết cho phù hợp với tình hình mới, trong đó nhấn mạnh đến lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao.

Về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thì quy định mới được ban hành đã làm rõ ràng, minh bạch hơn và đem lại thuận lợi cho doanh nghiệp góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh và giảm thủ tục hành chính khi kê khai thuế TNDN. Đi cùng với xu hướng chung ở các nước quy định về các khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN ngày càng chặt chẽ, hạn chế tình trạng các doanh nghiệp lợi dụng để trốn thuế, giảm các khoản chi được trừ thì Việt Nam cũng đã đưa ra các chỉ dẫn về: bỏ quy định doanh nghiệp tự xây dựng, quản lý định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu,... mà thay vào đó đối với phần chi vượt định mức tiêu hao đã được Nhà nước ban hành định mức sẽ không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế; bổ sung quy định không tính vào chi phí được trừ khi tính thuế đối với chi trả tiền thuê tài sản của cá nhân không có đầy đủ hồ sơ, chứng từ; bổ sung quy định không được tính vào chi phí được trừ đối với chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng; số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vượt mức thực tế phát sinh của năm không được tính vào

chi phí được trừ khi tính thuế TNDN,...

Tuy nhiên, bên cạnh việc “siết” các khoản chi được trừ thì với các đặc thù của Việt Nam, quy định mới cũng có những hướng hỗ trợ hơn cho doanh nghiệp. Trong đó có bổ sung các tài sản cố định của doanh nghiệp phục vụ cho người lao động và để tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế; bổ sung một số khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế được tính vào chi phí được trừ. Một số khoản chi trước đây có mức khống chế thì giờ đây cũng đã được bỏ, như chi phí quảng cáo khuyến mại khi trước đây quy định phải khống chế mức 10-15%, còn theo quy định mới thì tất cả các khoản chi phí này được tính vào chi phí khi có đầy đủ hoá đơn, chứng từ. Hay chi phí công tác của người lao động, trước đây cũng khống chế và hiện nay không khống chế nữa. Về thủ tục, hồ sơ cũng được đơn giản hóa trong một số trường hợp khi xác định chi phí được trừ, điển hình như sửa đổi quy định về hồ sơ, thủ tục đối với tài sản, hàng hóa bị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh,... được tính vào chi phí được trừ theo hướng sử dụng chung hồ sơ của các cơ quan có liên quan.

Liên quan đến các khoản thu nhập khác thì trước đây được quy định là khoản thu nhập không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, nay quy định này cũng đã được bãi bỏ. Cùng với đó thì quy định khoản thu nhập từ dự án đầu tư ở nước ngoài khi chuyển về nước được coi là khoản thu nhập khác cũng không còn được áp dụng thực hiện. Những chuyển biến này tuy đơn giản nhưng tỏ ra hữu hiệu trong việc tác động đến cơ sở tính thuế TNDN, khiến chúng rõ ràng, hiệu quả và hoà cùng với xu hướng chung.

4. Định hướng trong tương lai

Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 17/05/2011 tại Quyết định số 732/QĐ-TTg đã nêu rõ điều chỉnh giảm mức thuế suất chung thuế TNDN theo lộ trình phù hợp để thu hút đầu tư, tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thêm nguồn lực tài chính, tăng tích lũy để đẩy mạnh đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, hướng tới tăng trưởng và phát triển kinh tế quốc gia. Công tác cải cách thuế TNDN trong thời gian vừa qua đã phát huy không ít điểm tích cực, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp, một mặt đi đúng với định hướng chỉ đạo và một mặt tỏ ra phù hợp với thông lệ quốc tế. Để tiếp tục giữ vững và phát huy hơn nữa tinh thần này, trong tương lai chính sách thuế TNDN cần tập trung vào các vấn đề quan trọng sau:

Thứ nhất, xây dựng chính sách ưu đãi cho bộ phận doanh nghiệp vừa và nhỏ. Có thể thấy tại Việt Nam, thuế TNDN hiện hành chưa có quy định ưu đãi đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khi đó từ kinh nghiệm

quốc tế cho thấy, chính sách thuế TNDN của nhiều nước có quy định các mức thuế suất thấp hơn dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm khuyến khích sự phát triển của đối tượng này.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê thì đến hết năm 2015, doanh nghiệp vừa và nhỏ trên cả nước có số lượng 600.000, chiếm 95% doanh nghiệp đăng ký hoạt động, đóng góp khoảng 50% GDP, khoảng 33% thu ngân sách Nhà nước và 49% vào việc tạo giá trị gia tăng cho nền kinh tế, tạo ra hàng triệu việc làm cho người lao động mỗi năm. Bởi vậy, việc giảm thuế suất thuế TNDN thấp hơn mặt bằng chung so với mức thuế suất phổ thông là cần thiết để giúp doanh nghiệp giảm gánh nặng về thuế, tăng tích lũy để tái đầu tư, tạo thêm động lực phát triển cho doanh nghiệp.

Vừa qua vào khoảng tháng 08/2016, liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị quyết 35/2016 của Chính phủ về một số giải pháp thuế nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ các giải pháp về thuế để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, trong đó có đề xuất giảm thuế TNDN cho doanh nghiệp vừa và nhỏ từ 20% như hiện nay xuống còn 17% trong vòng 4 năm. Với cộng đồng doanh nghiệp, đây thực sự là một tín hiệu tốt góp phần giúp doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn và qua đó có điều kiện vươn mình lên.

Tuy nhiên, cần phải lưu ý là nếu việc áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ được thực thi thì cần quy định rõ ràng, chi tiết các tiêu chí, điều kiện để hỗ trợ tốt cho công tác quản lý thuế, hạn chế tối đa các gian lận và tiêu cực phát sinh.

Thứ hai, trong bối cảnh hội nhập có nhiều tác động đến nguồn thu thuế TNDN và nổi bật lên vấn đề chuyển giá của khối doanh nghiệp FDI gần đây thì chiến lược đảm bảo nguồn thu thuế TNDN theo đúng lộ trình tiệm cận với các nước cần được quan tâm chặt. Để có thể thích ứng với những thay đổi trong cơ cấu thu thuế TNDN, quản lý tốt các doanh nghiệp FDI chống tình trạng chuyển giá cần thực hiện đồng bộ các chính sách, trong đó quan trọng là cơ quan thuế các cấp cần tăng cường thanh tra giá chuyển giao, xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành thuế. Kiên quyết không để xảy ra tình trạng chuyển giá tránh thuế của doanh nghiệp, doanh thu liên tục tăng mà lợi nhuận thì lúc nào cũng báo lỗ là khó chấp nhận được. Khi phát hiện các trường hợp chuyển giá, phải có chế tài xử phạt theo hướng tăng mức phạt và hình thức phạt so với quy định hiện tại. Bên cạnh đó ngành thuế cần xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và liên thông dữ liệu về doanh nghiệp FDI phục vụ kiểm soát chuyển giá, tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về kỹ năng, kiến thức.

Thứ ba, để đem lại hiệu quả cao nhất thì cải cách chính sách thuế TNDN tại Việt Nam bắt buộc phải song hành với cải cách hành chính thuế, hướng đến giảm thiểu chi phí tuân thủ về thực hiện nghĩa vụ thuế

của doanh nghiệp. Bối cảnh, điều kiện cải cách của các nước trên thế giới là khác nhau, theo đó việc tham khảo kinh nghiệm để xây dựng, duy trì hệ thống chính sách thuế Việt Nam tương đồng với thông lệ chung là cần thiết, song cũng phải tính toán đến đặc điểm và yếu tố nội tại của từng giai đoạn phát triển.

Thứ tư, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý thuế nên có biện pháp để thắt chặt hơn mối quan hệ với cộng đồng doanh nghiệp, qua đó lắng nghe ý kiến của doanh nghiệp liên quan đến thực hiện chính sách thuế, kịp thời hướng dẫn và đưa ra các giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật về thuế. Trên cơ sở đó, thông qua các ý kiến ghi nhận được thì cơ quan thuế có thể đưa ra những sửa đổi, bổ sung nhằm xây dựng chính sách thuế TNDN hiện hành ngày một hiệu quả hơn.

5. Kết luận

Chính sách thuế hỗ trợ cho nguồn thu trọng yếu của ngân sách và đóng vai trò then chốt trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ, có ảnh hưởng to lớn đến việc phát triển kinh tế xã hội. Do đó, cần đặc biệt chú ý việc cải cách, hoàn thiện chính sách thuế nói chung, chính sách thuế TNDN nói riêng hoà trong tổng thể, hướng đến mục tiêu sau cùng là xây dựng một nền kinh tế mạnh, tăng trưởng ổn định và phát triển lâu dài./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài chính (2015), Thông tư 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22/06/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp.
2. Lê Quang Thuận (2013), Xu hướng cải cách thuế thu nhập doanh nghiệp trên thế giới, Tạp chí Tài chính số 4 - 2013.